d) Quy chế tổ chức và các hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục số 75/QĐ-MNTTr ngày 28/9/2024)

**Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

Thông tư số 52/2020/TT-BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường mầm non, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng các trường mầm non ;

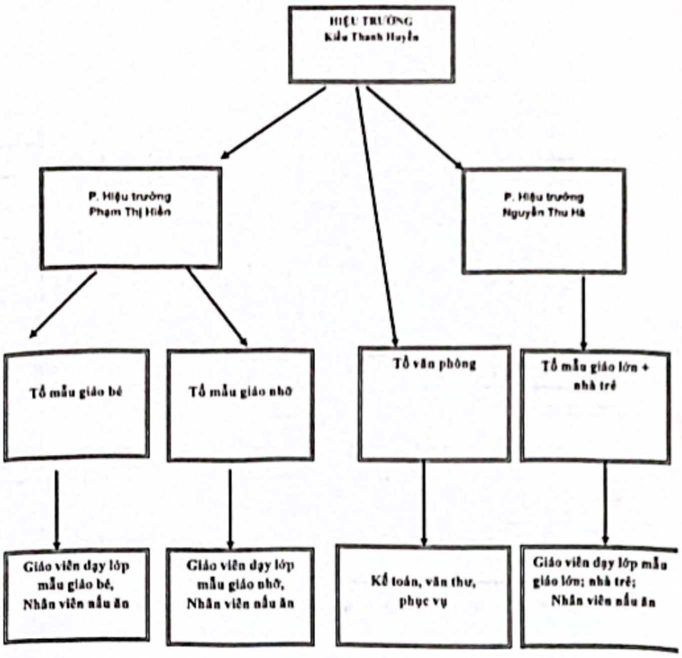


***đ) Quyết định thành lập, sát nhập, chia tác, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên( nếu có).***

- Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 15/12/2003 của Uỷ ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc đổi tên các trường học của phường Nam Thanh, Thanh Trường thuộc thành phố Điện Biên Phủ.

***e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).***

- Họ và tên: Kiều Thanh Huyền, chức vụ: Hiệu Trưởng; Số điện thoại: 0914.429.018
-Địa chỉ thư điện tử kieuthanhhuyen1983@gmail
- Địa chỉ nơi làm việc: Khu tái định cư số 1,Tổ dân phố 9, Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:**

Kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường (Số 14/KH-MNTTr ngày 14/9/2024); quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục (Số 74/QĐ-MNTTr ngày 28/9/2024); các nghị quyết của hội đồng trường (hồ sơ hội đồng trường); quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính (03/QĐ-MNTTr ngày 05/01/2024 Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024; Số 01 /QĐ-MNTTr ngày 02/01/2025 Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn xã hội hoá giáo dục năm học 2024- 2025; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo về "Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII "Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 đến 5 tuổi".; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN [3]

**1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**

***a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo***

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;**

- Tổng số CBGV-NV: 42 trong đó:
+ CBQL: 03 (ĐH GDMN: 03/03; ĐHQLGD: 01/03 = 0,34%; TCLLCT:3/3 = 100%)
+ Giáo viên: 35 (ĐH GDMN: 32/35 đ/c; TCLLCT:4/35 = 11,43%)
+ Nhân viên: 04: Kế toán: (01 thạc sỹ); Nhân viên văn thư: 01( đại học); 02 hợp đồng lao động là bảo vệ được bồi dưỡng công tác bảo vệ trường học.

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:**

- Số CBQL đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng loại tốt: 03/03
- Số giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp xếp loại tốt: 35/35 đạt %

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.**

100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định (trong đó có 03/03 cán bộ quản lý và 35/35 giáo viên);

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT [4]

**1. Thông tin về cơ sở vật chất**

***a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định***

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích 11.117,4$m^2$, bình quân tối thiểu cho một trẻ 25,67$m^2$/trẻ( vượt quy định), trong đó diện tích xây dựng công trình là 3.586 (chiếm 32,30%); diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi) là 3896 $m^2$ (chiếm 35,1%) vượt so với quy định.

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường được xây dựng kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh anh toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

- Có 19 phòng học/19 nhóm lớp, trong đó nhóm trẻ 25-36 tháng: 04 nhóm; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 05 lớp; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi là: 05 lớp; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 05 lớp; các lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng. Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ đảm bảo theo quy định, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ có đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng.
- Có 01 phòng giáo dục thể chất 60$m^2$ đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo theo quy định.
- Có 02 phòng giáo dục nghệ thuật 60$m^2$ có đàn, gương, gióng múa, trang phục.
- Có 01 phòng Tin học-Ngoại ngữ 45$m^2$ với đầy đủ thiết bị công nghệ thông tin phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em;
- Có thư viện cho bé với diện tích 48m2 với đủ tài nguyên thông tin, bảo đảm phù hợp với độ tuổi, tâm lý của trẻ em; đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và yêu cầu giáo dục của giáo viên; phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục mầm non
- Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non: phòng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, văn phòng trường, phòng họp được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng hành chính - quản trị; phòng dành cho nhân viên; nhà kho có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đầy đủ trang thiết bị, được bố trí thuận tiện, đảm bảo vệ sinh môi trường:

+Văn phòng trường: có 03 phòng với diện tích 149,16$m^2$/03 phòng;
+ Phòng Hiệu trưởng có 03 phòng với diện tích 63,7$m^2$/03 phòng;
+ Phòng phó Hiệu trưởng có 04 phòng với diện tích 45$m^2$/04 phòng;
+ Phòng hành chính quản trị có 02 phòng với diện tích 42,5$m^2$/ 02 phòng;
+ Phòng y tế có 03 phòng với diện tích là 80$m^2$/03 phòng;
+ Phòng bảo vệ có 03 phòng có diện tích là 60$m^2$ 03 phòng;
+ Phòng nhân viên có 02 phòng với diện tích là 21,6$m^2$/02 phòng;
+Nhà kho có 02 với tổng diện tích là 90,54$m^2$/02 phòng; các phòng đủ diện tích đảm bảo theo quy định Điều lệ trường Mầm non
+ Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Có 03 khu đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi có diện tích 211,7$m^2$ / 03 khu
+ Bếp ăn có 04 được thiết kế và hoạt động một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 423$m^2$/ 04 bếp bình quân 0,97$m^2$/trẻ.

- Phòng vệ sinh của trẻ có diện tích là 435$m^2$ (1,0$m^2$/trẻ), có vách ngăn cao 1,2m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, bố trí từ 01 tiểu treo cho bé trai, từ 05 xí bệt cho bé gái, khu vực rửa tay của trẻ được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ/ chậu rửa, các thiết bị được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc sử dụng, dễ quan sát trẻ và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng.

**3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;**

Scanned with CamScanner